

VĂN HOÁ CỘNG ĐỒNG THÁI Ở NGHĨA LỘ TRONG MỐI QUAN HỆ KINH TẾ VỚI CÁC DÂN TỘC VÙNG TÂY BẮC VÀ KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG CỦA HỌ VỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG¹

PGS. TS. Phạm Văn Lợi
Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt: Dân tộc Thái là một trong những cộng đồng cư dân quan trọng của vùng Tây Bắc; một trong 6 dân tộc ở Việt Nam có trên 1 triệu dân, đã cư trú tập trung, lâu dài trong khu vực, cùng chia sẻ quan hệ về nguồn gốc, kinh tế, văn hóa, xã hội... với người Thái ở Trung Quốc, Lào và Thái Lan... và đã tạo dựng nên một di sản văn hóa to lớn và độc đáo. Dựa trên nguồn tư liệu thu được từ 2 chuyến nghiên cứu khảo sát thực tế trong năm 2016 và 2017 tại xã Nghĩa An, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái, và các tư liệu được công bố trong các công trình nghiên cứu đã được xuất bản, bài viết chỉ ra và phân tích tính chất của mối quan hệ kinh tế giữa cộng đồng dân tộc Thái ở Nghĩa Lộ với các cộng đồng dân tộc khác trong và ngoài khu vực, cũng như bản sắc và khả năng thích ứng của họ trong phát triển bền vững về kinh tế.

Từ khóa: Dân tộc Thái, vùng Tây Bắc, bản sắc văn hóa, khả năng thích ứng, phát triển bền vững.

Đặt vấn đề

Phát triển bền vững được hiểu là sự phát triển của thế hệ hôm nay không ảnh hưởng (xấu) đến cơ hội phát triển của các thế hệ mai sau và sự phát triển của nơi này không ảnh hưởng xấu đến cơ hội phát triển của nơi khác. Dù phát triển bền vững được xác định gồm 3 - 4 hay 5 trụ cột/lĩnh vực thì kinh tế cũng luôn là một trong những trụ cột/lĩnh vực quan trọng.

Tây Bắc là khu vực nằm về phía Tây Bắc của vùng Bắc Bộ, được phân định với vùng Đông Bắc bằng dòng chảy của sông Hồng, cơ bản bao gồm các tỉnh Yên Bái, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình và (với nhiều người khu vực này còn bao gồm cả các huyện phía Tây của hai tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An).

Dân tộc Thái là một trong những cộng đồng cư dân quan trọng của vùng Tây Bắc; một trong 6 dân tộc ở Việt Nam có trên 1 triệu dân (Ban Chỉ đạo tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương, 2010, tr. 134-135), đã cư trú tập trung ở khu vực Tây Bắc trên 1.000 năm, cùng chia sẻ quan hệ về nguồn gốc, kinh tế, văn hóa, xã hội... với người Thái ở Trung Quốc, Lào, Thái Lan... và đã

¹ Bài viết này là sản phẩm của đề tài “Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng dân tộc Thái trong phát triển bền vững vùng Tây Bắc”, mã số KHCN-TB.19X/13-18; Đề tài được tài trợ bởi Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Bắc, Đại học Quốc gia Hà Nội.

tao dựng nên một di sản văn hóa to lớn và độc đáo.

Dựa trên nguồn tư liệu thu được từ hai chuyến nghiên cứu khảo sát thực tế trong năm 2016 và 2017 tại xã Nghĩa An, thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái và các tư liệu được công bố trong những công trình nghiên cứu được xuất bản, bài viết phân tích, chỉ rõ tính chất của mối quan hệ kinh tế giữa cộng đồng dân tộc Thái ở Nghĩa Lộ với các dân tộc khác trong và ngoài khu vực, cũng như bản sắc văn hoá và khả năng thích ứng của họ trong phát triển bền vững về kinh tế.

1. Tính chất của mối quan hệ kinh tế giữa người Thái và các cộng đồng dân tộc trong và ngoài khu vực

Người Thái đã sinh sống và canh tác từ lâu trên cánh đồng Mường Lò (Đặng Nghiêm Vạn, 1965, tr. 43). Với diện tích khoảng 3.000ha, cánh đồng Mường Lò hiện thuộc về thị xã Nghĩa Lộ và huyện Văn Chấn (tỉnh Yên Bái). Trên địa bàn thị xã Nghĩa Lộ, người Thái vẫn luôn chiếm tỷ lệ dân số đông nhất. Năm 2008, dân số thị xã đạt 27.295 người, với 17 dân tộc, trong đó dân tộc Thái chiếm 44,5% (UBND thị xã Nghĩa Lộ, <http://trangthanhvien.yenbai.gov.vn>). Đầu năm 2017, theo ông Lò Văn Vy, Trưởng phòng Dân vận, thị xã có khoảng 3 vạn dân, với 18 dân tộc cùng sinh sống, người Thái chiếm khoảng 48%. Tại bản Đêu 1, xã Nghĩa An, người Thái chiếm 100% số hộ (90/90 hộ) và khoảng 99,1% tổng số nhân khẩu (329/332 nhân khẩu). Cả bản chỉ có 3 người Kinh đến làm dâu.

Hiện trên địa bàn thị xã Nghĩa Lộ có 17 - 18 dân tộc cùng sinh sống. Tuy nhiên, trong quá khứ, người Thái ở đây chủ yếu chỉ

có quan hệ kinh tế với dân tộc Khơ-mú ở bên cạnh và người Hmông ở cao hơn. Người Khơ-mú hiện cư trú ở xã Nghĩa Sơn (huyện Văn Chấn) và xã Túp Đán (huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái); người Hmông cư trú tại huyện Trạm Tấu và Mù Căng Chải (tỉnh Yên Bái). Hiện tại, mối quan hệ kinh tế giữa người Thái ở khu vực này với các tộc người kể trên vẫn được duy trì và cộng đồng Thái ở đây còn có thêm mối quan hệ về kinh tế khá sâu đậm và ngày càng lớn mạnh với người Kinh ở các phường trung tâm của thị xã và các nơi khác trong và ngoài khu Tây Bắc.

Trong quá khứ, quan hệ kinh tế giữa dân tộc Thái và các dân tộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me đã được đề cập đến. Hầu hết những nghiên cứu đều chỉ ra sự lệ thuộc của các dân tộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me vào dân tộc Thái, từ việc chỉ được khai thác, sử dụng những khu ruộng xấu ở các góc thung lũng tới việc phải nộp sản phẩm và lao động không công cho các chủ bản, chủ mường người Thái (Đặng Nghiêm Vạn và cộng sự, 1972, tr. 27; Đặng Nghiêm Vạn và cộng sự, 1977, tr. 39; Cầm Trọng, 1978, tr. 171-216; Hoàng Lương, 2015, tr. 289). Ngày nay, quan hệ kinh tế giữa hai cộng đồng người này đã thay đổi về căn bản, với sự độc lập tương đối của mỗi cộng đồng. Năm 2009, trên địa bàn tỉnh Yên Bái, trong các dân tộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me chỉ người Khơ-mú có số lượng đáng kể: 1.303 người (Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương, 2010, tr. 159-160), trong đó có 1.078 người cư trú tại huyện Văn Chấn (UBND huyện Văn Chấn, <http://vanchan.yenbai.gov.vn>). Cụ Hà Văn Khoanh, 75 tuổi, già làng Đêu 1 cho biết: “Người Khơ-mú tập trung chủ yếu ở xã

Nghĩa Sơn; sống xen kẽ với người Hmông ở xã Túp Đán. Trước đây, người Thái có mối quan hệ gắn bó với người Khơ-mú và thường được họ giúp đỡ như khi làm nhà không có cỏ tranh lợp mái thì lên làng Khơ-mú xin về. Tuy nhiên, nếu thân thiết thì họ cho cắt cỏ tranh ở chỗ gần; không thân thì họ cho cắt ở chỗ xa. Khi đi mang theo vài chai rượu làm quà cho họ”. Cụ Khoanh khẳng định “Giờ người Khơ-mú ít phụ thuộc vào người Thái. Họ chủ yếu cư trú ở vùng 3 thuộc huyện Trạm Tấu và huyện Văn Chấn, khu vực cư trú của người Hmông. Không có người Khơ-mú ở thị xã Nghĩa Lộ”.

Mối quan hệ giữa người Thái - chủ nhân của cánh đồng lúa nước dưới thung lũng với các tộc người cư trú ở vùng cao xung quanh (người Hmông ở huyện Trạm Tấu) đã có trong lịch sử và vẫn còn được duy trì đến hiện nay. Đây là mối quan hệ phối hợp, hỗ trợ nhau trong cả các hoạt động kinh tế và trong cuộc sống gia đình và xã hội; mối quan hệ do điều kiện địa lý tự nhiên quy định: Người Thái với diện tích ruộng nước lớn có điều kiện cung cấp/bán cho các cư dân ở trên cao thóc/gạo, một số loại rau và cá; cộng đồng cư dân ở trên cao với lợi thế của mình có thể cung cấp/bán cho người Thái các sản phẩm thu hái từ rừng, như măng, mộc nhĩ, nấm hương,... Hoạt động mua bán/trao đổi giữa hai nhóm cư dân, theo hướng này vẫn được duy trì đến nay (và được người Thái thừa nhận). Ông Lò Văn Sươi, 53 tuổi, Trưởng bản Đêu 1, cho biết: “Có khi người Thái bán lúa ruộng cho người Hmông nhưng lại mua lúa nương, mua ngô của họ” và “Người Hmông xuống bản của người Thái để mua giống vịt, gà, trâu, bò...”. Ông Hà Việt Cường, Phó Chủ tịch UBND

xã Nghĩa An, cho biết “Người Hmông thường mang củi, măng, vầu, dê, chó, trâu, bò, gà, lợn; các loại rau sắn, cà gai, hoa chuối xuống bán cho người Thái. Một số tư thương người Thái lên đây mua lợn cắp nách về bán kiếm lời”. Thậm chí, theo ông Lò Văn Sươi “ở đây đã xuất hiện hình thức liên kết làm kinh tế, trong đó phổ biến là người Thái gửi cho người Hmông nuôi một con trâu mẹ, đến khi trâu đẻ được hai con thì chia đôi mỗi nhà một con”.

Quan hệ kinh tế giữa người Thái ở Nghĩa Lộ, Mường Lò với người Kinh trong khu vực và trên phạm vi cả nước có nhiều điều đáng nói. Trong lịch sử, quan hệ kinh tế giữa người Kinh và người Thái nói chung, người Kinh với người Thái ở Nghĩa Lộ nói riêng không đáng kể. Về cơ bản, đó chỉ là quan hệ trao đổi/buôn bán một số mặt hàng mà một bên cần và một bên có. Chẳng hạn, người Kinh cung cấp cho người Thái muối, mắm, cá biển khô và các sản phẩm thủ công như đồ rèn, đồ thủ công mỹ nghệ,... Ngược lại, người Thái cung cấp cho người Kinh các sản phẩm của rừng núi như măng, mộc nhĩ, mật ong,... Về cơ bản, quan hệ kinh tế giữa hai tộc người này trong lịch sử không nhiều và không mang tính quyết định, dù đã có dấu ấn cho thấy người Thái như là trung tâm trung chuyển hàng hóa giữa cư dân vùng thấp (người Kinh) với cư dân vùng cao (người Khơ-mú, Hmông, Dao...). Từ năm 1986, khi Nhà nước thực hiện chính sách mở cửa và hội nhập sâu rộng với thế giới, quan hệ kinh tế giữa người Thái với người Kinh ngày càng phát triển và tăng cường trong phạm vi xã Nghĩa An, thị xã Nghĩa Lộ, khu vực Tây Bắc và cả trên phạm vi quốc gia. Khi đề cập đến mối quan hệ này, ông Lò

Văn Sươi khẳng định “Người Kinh có tác động nhiều tới người Thái ở đây, chủ yếu là mặt tích cực. Ví như các thầy cô giáo là người Kinh mang cái chữ đến cho con em đồng bào; các cấp lãnh đạo địa phương đa phần cũng là người Kinh; hoạt động buôn bán từ dưới xuôi lên, từ thị xã vào chủ yếu là của người Kinh;... Trẻ em Thái khoảng 4 tuổi đã biết tiếng phổ thông hết rồi”.

Rõ ràng, vào thời điểm hiện tại, quan hệ kinh tế giữa người Thái với người Kinh đã được nâng lên một bước mới với nhiều dấu hiệu tích cực, từ những hoạt động kinh tế cụ thể đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng người Thái nói riêng và vùng đồng bào các dân tộc thiểu số nói chung. Người Kinh ở thị xã Nghĩa Lộ (và người Kinh trên cả nước) đã và đang cung cấp, hỗ trợ cho người Thái Nghĩa An (và người Thái trên cả nước) từ giống cây trồng, vật nuôi; kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt; công cụ, máy móc phục vụ sản xuất, kinh doanh; các mặt hàng khác phục vụ cuộc sống, sinh hoạt gia đình... đến những loại hình hoạt động kinh tế mới đem lại các nguồn thu nhập mới cho mỗi gia đình. Đây là các dấu hiệu tích cực của mối quan hệ kinh tế giữa cộng đồng dân tộc Thái ở Nghĩa An, Nghĩa Lộ nói riêng, cộng đồng dân tộc Thái ở Việt Nam nói chung với người Kinh cư trú ở xung quanh và với người Kinh trên phạm vi cả nước. Tuy nhiên, cần thẳng thắn thừa nhận rằng, trong mối quan hệ kinh tế mới phát triển đa dạng và phức tạp này, người Thái luôn đứng ở góc độ phụ thuộc, luôn chịu sự chi phối trong các quan hệ kinh tế với người Kinh. Dù đa phần người Thái đều thu được những lợi ích về kinh tế, nhưng cũng có nhiều tác động tiêu cực đi kèm như sự phụ thuộc về

kinh tế và những tệ nạn xã hội ngày một gia tăng và đặc biệt là sự suy giảm bản sắc văn hóa dân tộc.

Đầu tiên, cần xem xét sự phát triển của hoạt động buôn bán, trao đổi hàng hóa của các gia đình, bản làng người Thái. Đây là những dấu hiệu tích cực trong hoạt động kinh tế của người Thái ở Việt Nam nói chung, ở xã Nghĩa An, thị xã Nghĩa Lộ nói riêng. Trước kia, trong các bản của người Thái hầu như không có gia đình nào mở quán bán hàng; dần dần, mỗi bản có một vài quán bán những mặt hàng thiết yếu phục vụ cuộc sống sinh hoạt của người dân. Tuy nhiên, những cửa hàng này đều do các hộ người Kinh từ nơi khác chuyển đến. Gần đây đã có nhiều gia đình người Thái tiếp cận và phát triển loại hình kinh tế này, trong đó bản Đêu 1 có 2 hộ. Điểm chung trong hoạt động buôn bán của cả 2 hộ tại bản Đêu 1 là họ hầu như chỉ bán các mặt hàng của người Kinh hoặc do người Kinh sản xuất; hàng của người Thái hoặc do người Thái sản xuất rất ít, có thể đếm trên đầu ngón tay, như rượu trắng (do chủ quán hoặc người Thái trong bản nấu) và một vài loại rau, quả do người dân thu hái trong vườn hoặc trong rừng. Mặt hàng của người Kinh hay do người Kinh sản xuất, chủ quán có thể tự lấy hoặc đặt cho lái buôn người Kinh đưa đến, nhưng rõ ràng quán bán hàng của họ phụ thuộc vào thương lái người Kinh, cả về giá cả và chất lượng hàng hóa.

Những nghề tự do hay các hoạt động kinh tế tự phát mặc dù mới xuất hiện trong thời gian gần đây nhưng đã thu hút rất đông lao động người Thái tham gia (đặc biệt là lao động trẻ), đem lại nguồn thu và là dấu hiệu tích cực cho kinh tế của các hộ gia đình

Thái. Song, những hoạt động kinh tế này cũng cho thấy sự phụ thuộc của người Thái vào người Kinh trong khu vực và trên cả nước. Hiện nay, vào những ngày thường, đến các bản của người Thái chúng ta chủ yếu gặp người già và trẻ em, còn thanh niên thường xuyên vắng nhà. Họ đi kiếm việc làm thuê ở các thị trấn, thị xã, thành phố và chỉ về nhà vào dịp lễ tết hoặc khi gia đình, họ hàng có ma chay, cưới xin,... Thậm chí, vào các thời điểm mùa vụ canh tác họ cũng không về. Ông Lò Văn Sươi, Trưởng bản Đêu 1 cho biết “Hiện ở nhà chủ yếu là người già và các cặp vợ chồng có con nhỏ; đa phần lớp trẻ đi làm thuê cả ở Sơn La, Lai Châu, Phú Thọ;... Công việc chủ yếu là làm thợ xây, phục vụ cho nhà hàng, làm công nhân tại khu công nghiệp ở Bắc Ninh hay Thái Nguyên, giúp việc nhà,... Gia đình chỉ tập trung đầy đủ trong dịp tết hoặc khi có cưới xin, tang ma. Nhiều gia đình có con đi miền Nam hay sang Quảng Châu, Trung Quốc làm ăn, tết cũng không về”. Ông cho biết: “Khi đi, họ không đăng ký tạm vắng, thích đi thì đi, không báo cáo ai cả, chỉ khi xảy ra vụ việc gì đó, như tai nạn, vi phạm pháp luật... công an thông báo về thì địa phương mới biết. Thậm chí, nhiều trường hợp, cha mẹ ở nhà không biết con mình đi đâu, làm gì”.

Hiện nay ở các cộng đồng người Thái cũng xuất hiện một số nghề thủ công mới như nghề đan giỏ cói xuất khẩu. Chị Hoàng Thị Soi, 31 tuổi, bản Đêu 1 cho biết: “Tôi nhận đan giỏ cói thuê cho một gia đình người Kinh trên thị xã Nghĩa Lộ. Họ đào tạo nghề, bán nguyên vật liệu chịu và thu mua sản phẩm đan lát của tôi. Một ngày tôi đan được 2 chiếc, bán được 88.000 đồng, trừ tiền nguyên vật liệu, tôi được 60.000 đồng tiền

công”. Đây là một công việc không mất quá nhiều sức lao động, người làm không phải xa gia đình, cho thu nhập ở mức chấp nhận được (theo đánh giá của người dân) nhưng hoàn toàn phụ thuộc vào chủ người Kinh ở thị xã Nghĩa Lộ, từ nguyên liệu, kỹ thuật đến khâu tiêu thụ sản phẩm.

2. Bản sắc văn hoá và khả năng thích ứng của người Thái trong phát triển bền vững về kinh tế vùng Tây Bắc

Dưới góc độ kinh tế, chúng ta thấy các kỹ thuật canh tác ruộng nước, như cách thức dẫn nước vào ruộng với hệ thống *muong, phai, lái, lín, cọn* và các kỹ thuật làm đất, gieo cấy, chăm sóc và thu hoạch, nhất là kỹ thuật nuôi cá trong ruộng lúa là do người Thái tạo dựng, là bản sắc của người Thái. Nguyên nhân là do cộng đồng các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ-me cư trú ở khu vực Tây (Mảng, Kháng, Khơ-mú, Xinh-mun, O-đu) hầu hết là cư dân sinh sống ở vùng đất dốc, duy trì hoạt động canh tác lúa khô (nương, rẫy), không có truyền thống canh tác ruộng nước. Mấy chục năm trở lại đây, do tác động của chính sách hạ sơn, phát triển cây lúa nước của Đảng và Nhà nước ta nên hầu hết các tộc người này đều đã biết đến phương thức canh tác lúa nước. Những dân tộc khác như Hmông, Dao... đều mới di cư vào khu vực miền núi phía Bắc và Tây Bắc Việt Nam khoảng 300 năm gần đây, khi người Thái đã xây dựng hệ thống bản, mừng hoàn chỉnh, với hoạt động canh tác lúa nước nổi tiếng và vượt trội. Người Hmông, Dao ở một số nơi cũng phát triển hoạt động canh tác lúa nước, nhưng là hình thức canh tác lúa nước trên những mảnh ruộng nhỏ được tạo dựng trên các sườn núi đất, theo đường bình độ: ruộng bậc

thang, như ở Mù Căng Chải (Yên Bái), Sa Pa (Lào Cai), Hoàng Su Phì (Hà Giang).

Bản sắc của người Thái trong hoạt động canh tác lúa nước đã và đang được đặt trước/trong rất nhiều thách thức do sự thay đổi của điều kiện tự nhiên, sự gia tăng dân số và sự xâm nhập của các yếu tố văn hóa/kinh tế của người Kinh. Như đã đề cập ở trên, người Kinh cung cấp, hỗ trợ cho người Thái ở Việt Nam nói chung, người Thái ở Nghĩa An, Nghĩa Lộ nói riêng những loại giống mới, phân bón hóa học, thuốc trừ sâu, công cụ lao động và cả các phương thức canh tác mới, làm cho hoạt động canh tác lúa nước truyền thống của người Thái thay đổi rất nhiều, đến mức hầu như không còn tồn tại hay rất khó nhận ra. Ông Điều Văn Nhọt, sinh năm 1963, bản Đêu 4 cho biết “Làm ruộng bây giờ toàn bằng máy (máy cày, máy bừa, máy tuốt...); hệ thống *muong*, *phai* giờ được xây chắc chắn bằng gạch, cát, xi măng; giống lúa cũng mới hết...”. Do áp lực dân số và du nhập thêm các giống lúa ngắn ngày, người Thái đã chuyển từ canh tác một vụ lúa/năm sang canh tác 2 vụ lúa/năm (cộng thêm một vụ rau màu - vụ đông); phương thức canh tác chỉ sử dụng phân chuồng (phân hữu cơ) trong trồng trọt đã được thay thế bằng các loại phân hóa học (phân vô cơ); trong khâu chăm sóc, những biện pháp phòng chống sâu bệnh cho lúa trong xã hội truyền thống hầu như không còn được sử dụng, thay vào đó là các loại thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ ngày càng được dùng phổ biến trên đồng ruộng. Điều này không chỉ dẫn đến tình trạng đất ruộng ngày một thoái hóa, cằn cỗi mà còn là nguyên nhân dẫn đến sự mất dần (gần như mất hẳn) hình thức nuôi cá trong ruộng. Ông Hà Việt

Cường cho biết “Hiện nay, muốn nuôi cá ruộng thì phải xây bờ, phải đào khoảng 25% diện tích ruộng thành ao sâu để cá có chỗ tránh khi phun thuốc. Bà con ở đây không chịu đào ao nên việc nuôi cá ruộng giờ chỉ phù hợp với những ruộng gần nương”. Vì thế, số gia đình nuôi cá trong ruộng ngày càng ít và gần như mất hẳn. Ông Cường cho biết thêm, trong xã giờ chỉ có “ông Lường Văn Phối nuôi cá, thu được khoảng 100kg cá/1.000m² ruộng”.

Nghề dệt của người Thái cũng đã và đang bị suy giảm. Số người dân mặc trang phục truyền thống trong đời thường ngày càng ít. Mỗi phụ nữ Thái chỉ có khoảng 1-2 bộ trang phục truyền thống để mặc vào các dịp lễ, tết. Thay vào đó là các loại trang phục may sẵn, bán nhiều trên thị trường. Dù các trường học trên địa bàn thị xã Nghĩa Lộ đã yêu cầu mỗi nữ sinh dân tộc Thái phải có ít nhất 1 bộ áo, váy truyền thống để mặc vào thứ hai hàng tuần, khi chào cờ (như một dạng đồng phục) nhưng cũng không làm thay đổi được xu hướng này. Thực tế đó đã góp phần làm cho số gia đình còn duy trì nghề dệt ngày càng ít dần. Bà Nông Thị Sơn (người Thái, 56 tuổi, bản Đêu 1), cho biết “Trước đây, trong bản nhà nào cũng dệt, nhưng nay họ đi làm thuê nên ít người dệt. Cả bản hiện chỉ còn khoảng 30 hộ duy trì nghề dệt. Chủ yếu là những người phụ nữ cao tuổi”. Ngay số ít gia đình duy trì nghề dệt này cũng đã không còn dệt váy, áo truyền thống nữa mà chủ yếu dệt dây thắt lưng để bán cho người Hmông. Để dệt ra sản phẩm này, đầu tiên họ mua nguyên liệu (sợi) bán sẵn trên thị trường và khi làm ra sản phẩm, họ cũng chủ yếu mang ra chợ bán cho các lái buôn người Kinh, sau đó sản phẩm

mới đến tay đồng bào người Hmông. Bà Son cho biết “Mua sợi 150.000đ/kg, dệt mất 2 ngày (nếu làm cả ngày) được 25-26 dây thắt lưng, bán khoảng 20.000đ/dây trong khi người tiêu dùng phải mua với giá 25.000-26.000đ/dây”.

Với các hoạt động kinh tế mới như buôn bán, dịch vụ, làm nghề tự do hay các nghề thủ công mới do chịu sự chi phối của người Kinh nên cũng khó có thể nhận ra được bản sắc của dân tộc Thái. Bản sắc của người Thái thể hiện trong các hoạt động kinh tế mới này chủ yếu là đôi bàn tay khéo léo, tinh thần chịu khó, chịu khổ để hoàn thành công việc. Nhận xét về khả năng thích ứng của người Thái với những đổi thay của quê hương, đất nước trong thời điểm hiện nay, ông Lò Văn Chương, người Tày, nguyên Chủ tịch Hội Nông dân, đang công tác tại Mặt trận Tổ quốc thị xã Nghĩa Lộ cho biết “Người Thái tiếp cận với khoa học kỹ thuật rất nhanh. Việc trồng cây, nuôi gia súc, gia cầm... hướng dẫn cái gì họ làm được cái đó. Hiện đang có nhiều tòa nhà to ở gần đây do người Thái xây; rồi nghề điện tử, điện lạnh họ đều làm được”. Tuy nhiên, khả năng thích ứng với những biến đổi của xã hội, với phát triển bền vững của người Thái ở đây là không cao do trình độ văn hóa - trình độ học vấn của họ còn hạn chế. Ông Lò Văn Phương, Hiệu phó Trường PTTH Dân tộc nội trú tỉnh Yên Bái (ở thị xã Nghĩa Lộ) khẳng định “Trường hiện không có giáo viên người Thái nào. Học sinh người Thái ở Nghĩa Lộ (học tại trường) mỗi năm không có nổi 5 em vì thi điểm thấp. Học sinh người Thái ở các nơi khác học cũng rất kém”. Với bản Đồ 1, ông Lò Văn Sươi cho biết “Hiện trong bản không có ai học đại học, chỉ có

cán bộ học Đại học tại chức. Bản hiện chỉ có 5-6 cháu học bậc Trung học phổ thông ở thị xã Nghĩa Lộ (Trường THPT Bán công Nguyễn Trãi và Trường THPT Thị xã). Trong thôn, chưa có ai học ở Trường THPT Dân tộc nội trú cả”. Vì vậy, người Thái ở đây chủ yếu đi làm thuê cho các ông/bà chủ người Kinh ở thị xã Nghĩa Lộ và các nơi khác vào thời gian nông nhàn, còn các công việc mang tính ổn định, có thu nhập cao họ chưa tiếp cận được.

3. Một vài nhận xét, kết luận

Trong quá khứ, dân tộc Thái ở Việt Nam nói chung và người Thái ở xã Nghĩa An, thị xã Nghĩa Lộ nói riêng chủ yếu có mối quan hệ về kinh tế với các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Kơ-me (ở khu vực thị xã Nghĩa Lộ chủ yếu là người Kơ-mú). Mối quan hệ này mang tính chất áp đặt, trong đó vai trò chủ động thuộc về người Thái, còn các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Kơ-me, các cư dân đã từng cư trú ở vùng thung lũng chân núi Tây Bắc trước người Thái, là người bị áp đặt.

Ngày nay, quan hệ kinh tế giữa cộng đồng dân tộc Thái với các dân tộc khác trong và ngoài khu vực được mở rộng hơn và bình đẳng hơn. Bên cạnh các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Kơ-me ở vùng giữa, người Thái còn quan hệ kinh tế với các tộc người ở vùng cao, như người Hmông, người Dao. Đây là những mối quan hệ bình đẳng với sự độc lập tương đối của từng cộng đồng, do tính chất của Nhà nước Việt Nam quy định và sự chi phối của quy luật kinh tế thị trường.

Quan hệ kinh tế giữa người Thái và người Kinh trong khu vực và trên cả nước

ngày càng mở rộng với nhiều hình thức và mức độ khác nhau, đem lại lợi ích kinh tế cho người Thái. Nhưng trong mối quan hệ này, người Kinh là người chủ động với nhiều lợi ích kinh tế hơn, còn người Thái phần nào ở thế bị động và phụ thuộc hơn. Ngoài ra, đi cùng với các mối quan hệ kinh tế này là nhiều vấn đề văn hóa, xã hội mới phát sinh, cần phải được quan tâm giải quyết, như sự giảm dần cả số lượng (diện tích) và chất lượng ruộng nước dẫn đến sự mai một bản sắc văn hóa Thái trong canh tác nông nghiệp, sự tăng nhanh các tệ nạn xã hội,...

Cần phải khẳng định bản sắc của cộng đồng dân tộc Thái trong hoạt động canh tác ruộng nước ở thung lũng chân núi, với hệ thống *murong, phai, lái, lín, cọn* dẫn nước vào ruộng và hệ thống kỹ thuật làm đất, gieo cấy, chăm sóc và thu hoạch; với hình thức nuôi cá trong ruộng;... Bên cạnh đó, bản sắc trong nghề dệt vải có hoa văn truyền thống do người Thái sáng tạo ra và lưu giữ qua bao thời gian, bao thế hệ, rất đáng được bảo tồn và phát triển, phát huy trong thời điểm hiện nay.

Thực tế cho thấy, người Thái ở Nghĩa An, Nghĩa Lộ (Yên Bái) nói riêng, người Thái ở Tây Bắc nói chung, có khả năng thích ứng với những biến đổi (khách quan và chủ quan) liên quan đến hoạt động kinh tế nông nghiệp (cụ thể là hoạt động canh tác ruộng nước). Tuy nhiên, họ đều đang và sẽ gặp những trở ngại nhất định trong việc thích ứng (hay tiếp cận) với các hoạt động kinh tế mới, đặc biệt là các hoạt động kinh tế cần trình độ khoa học, công nghệ cao. Để làm được điều này người Thái cần phải đầu tư nhiều hơn cho việc học tập của con em và họ cũng cần sự quan tâm hỗ trợ của Nhà nước

trong việc đào tạo thế hệ trẻ, với tư cách là một cộng đồng dân tộc ít người cư trú ở vùng chân núi.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2010), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009, Kết quả toàn bộ, Phần 1: Biểu tổng hợp*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.

2. Hoàng Lương (2015), *Người Tày Thái cổ ở Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

3. Cầm Trọng (1978), *Người Thái ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

4. Đặng Nghiêm Vạn (1965), “Số lượng về sự thiên di của các bộ tộc Thái vào Tây Bắc Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Số 78, tr. 40-48.

5. Đặng Nghiêm Vạn - Nguyễn Trúc Bình - Nguyễn Văn Huy (1972), *Những nhóm dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Á ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

6. Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên, 1977), *Tư liệu về lịch sử và xã hội dân tộc Thái*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

7. UBND huyện Văn Chấn, *Trang thông tin điện tử huyện Văn Chấn*, phần Giới thiệu, *Lịch sử văn hóa*, trên trang <http://vanchan.yenbai.gov.vn>, truy cập ngày 19 tháng 2 năm 2017.

8. UBND thị xã Nghĩa Lộ, *Cổng thông tin điện tử tỉnh Yên Bái*, phần Giới thiệu, *Lịch sử văn hóa*, trên trang <http://trangthanhvien.yenbai.gov.vn>, truy cập ngày 18 tháng 2 năm 2017.